TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-4-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Bé

2. Ông Đinh Ngọc Dình

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thu, kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị Hoài L, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số D, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số D, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 01 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Hoài L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn C chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã

nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có với nhau hai người con chung tên Nguyễn Gia B sinh năm 1998 và Nguyễn Khánh V sinh năm 2004, hiện các con đã trưởng thành, sống tự lập được nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn C là bị đơn được được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ có căn cứ xác định bà Bùi Thị Hoài L và ông Nguyễn Văn C chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, sống tự lập được nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Bùi Thị Hoài L có đơn khởi kiện, yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông C cư trú tại huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Bà L và ông C đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Hoài L và ông Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998 đến nay mà không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân gia đình; Bà L và ông C không đăng ký kết hôn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Do đó, hôn nhân giữa ông bà không được pháp luật công nhận quan hệ vợ chồng.

Xét thấy, quá trình chung sống vợ chồng bà L, ông C xảy ra nhiều mâu thuẫn, các đương sự không có thiện chí hành gắn tình cảm. Do bà L và ông C chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để không công nhận bà Bùi Thị Hoài L và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Bà L và ông C có với nhau hai người con chung tên Nguyễn Gia B sinh năm 1998 và Nguyễn Khánh V sinh năm 2004 đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Bùi Thị Hoài L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị Hoài L và ông Nguyễn Văn C.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Hoài L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010815 ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh LA;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Duy